

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH  
NGÀNH CAO SU VIỆT NAM**



*Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2014*

## MỤC LỤC

<b>TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH.....</b>	<b>3</b>
<b>A. TỔNG QUAN NGÀNH CAO SU THẾ GIỚI.....</b>	<b>4</b>
I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT .....	4
II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ .....	5
III. TRIỂN VỌNG NGÀNH CAO SU THẾ GIỚI.....	6
<b>B. TỔNG QUAN NGÀNH CAO SU VIỆT NAM.....</b>	<b>7</b>
I. PHÂN TÍCH SWOT NGÀNH CAO SU VIỆT NAM.....	7
II. CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM.....	8
III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT .....	9
IV. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ.....	10
V. TÌNH XUẤT NHẬP KHẨU .....	11
VI. TRIỂN VỌNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM.....	13
<b>C. NHẬN ĐỊNH .....</b>	<b>14</b>
<b>D. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH CAO SU .....</b>	<b>15</b>
I. CÁC DOANH NGHIỆP LỚN TRONG NGÀNH .....	15
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH CAO SU ĐÃ NIÊM YẾT.....	16

## TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH

### Những lợi thế của ngành Cao Su Việt Nam:

- Việt Nam có điều kiện thiên nhiên thuận lợi về khí hậu, đất đai, phù hợp cho phát triển ngành cao su tự nhiên và từ lâu trong nước đã hình thành các vùng trồng cao su tập trung quy mô lớn như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ...
- Ngành cao su đã được Chính Phủ xác định là một trong những ngành tập trung phát triển mạnh và nhận được nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ, với quy hoạch phát triển theo các vùng, miền có thế mạnh như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc, Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Chi phí sản xuất trong ngành cao su tại Việt Nam thấp cũng là yếu tố hỗ trợ sự phát triển của ngành.
- Ngành công nghiệp – sản xuất – tiêu dùng Thế giới (sản xuất máy bay, oto, xe máy, sản xuất thiết bị, máy móc cho ngành chế tạo, y tế, hàng tiêu dùng...) ngày càng phát triển và nhu cầu đối với nguyên liệu đầu vào là cao su cũng ngày càng cao.

### Những hạn chế cản trở sự phát triển ngành:

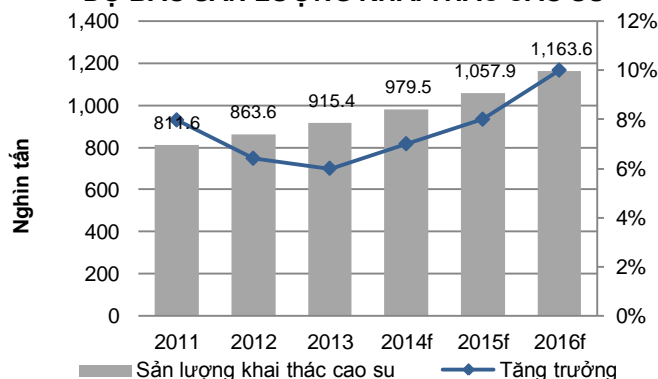
- Ngành cao su trong nước đang gặp khó khăn trong việc mở rộng diện tích gieo trồng.
- Cao su xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu ở cao su thiên nhiên ở dạng thô mà chưa sản xuất được cao su tổng hợp, và phương thức xuất khẩu chủ yếu là qua đường tiểu ngạch, khiến ngành cao su Việt Nam gặp rủi ro cao với sản phẩm thay thế và không chủ động được về giá xuất khẩu.
- Thị trường xuất khẩu của Việt Nam lại tập trung quá nhiều vào Trung Quốc, do đó phụ thuộc khá nhiều vào những biến động giá tại thị trường này.
- Sự cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu cao su ngày càng gay gắt về cả chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm cao su xuất khẩu, một điểm mà ngành cao su Việt Nam vẫn còn hạn chế.
- Rủi ro bất khả kháng từ thảm họa thiên nhiên tại các vùng gieo trồng cao su.

### Nhận định:

Ngắn hạn ngành cao su đang gặp một số khó khăn mang tính thị trường, giá cao su sụt giảm do nhu cầu tiêu thụ toàn cầu suy giảm do kinh tế suy thoái trong giai đoạn 2011 - 2013, đây là ảnh hưởng mà ngành cao su toàn cầu gặp phải và Việt Nam cũng không ngoại lệ.

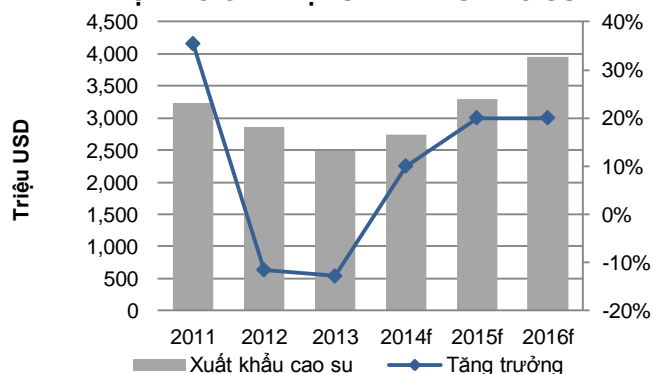
Mặc dù vậy tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cao su Việt Nam vẫn cho thấy sự ổn định so với mặt bằng chung trong nền kinh tế. Triển vọng dài hạn của ngành cao su là khá tốt khi kinh tế toàn cầu phục hồi, các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu cao su tăng trưởng mạnh trở lại kể từ năm 2014.

### DỰ BÁO SẢN LƯỢNG KHAI THÁC CAO SU



Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

### DỰ BÁO GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CAO SU



Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

### Dự báo triển vọng ngành Cao Su:

- Dự báo sản lượng khai thác cao su sẽ tăng trưởng bình quân 8,3%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt 1.163,6 nghìn tấn năm 2016.
- Dự báo giá trị xuất khẩu cao su sẽ tăng trưởng bình quân 16,7%/năm trong giai đoạn 2015 – 2016, để đạt giá trị 3.947,4 triệu USD năm 2016.

# A. TỔNG QUAN NGÀNH CAO SU THẾ GIỚI

## I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

Sản lượng sản xuất cao su toàn cầu tăng trưởng bình quân 3,7%/năm trong giai đoạn 2009 – 2013, và đạt 27,3 triệu tấn năm 2013.

### Sản lượng sản xuất cao su toàn cầu:

Giai đoạn 2007 – 2009 sản lượng sản xuất cao su toàn cầu có xu hướng giảm, đến giai đoạn 2009 – 2012 sản lượng sản xuất có xu hướng tăng trở lại, tuy nhiên tốc độ tăng đang chậm lại.

Giai đoạn 2009 – 2013: Sản lượng sản xuất toàn cầu tăng từ mức 22,1 triệu tấn năm 2009 lên mức 27,3 triệu tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 3,7%/năm. Năm 2010 ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao 11%, nhưng tốc độ tăng giảm dần những năm sau đó, năm 2011 đạt 6,6%, năm 2012 đạt 1,3%, năm 2013 là 3%.

Trong cơ cấu sản xuất thì cao su tổng hợp chiếm tỷ trọng lớn hơn so với cao su thiên nhiên, cơ cấu này được duy trì khá ổn định trong thời gian qua.

### Cơ cấu sản lượng sản xuất cao su toàn cầu:

Tổng sản lượng cao su toàn cầu được chia làm hai loại là cao su tự nhiên và cao su tổng hợp. Trong giai đoạn 2005 – 2013 sản lượng cao su thiên nhiên thường chiếm từ 42,2% - 44,3% tổng sản lượng sản xuất cao su toàn cầu, trong khi đó sản lượng cao su tổng hợp được sản xuất thường chiếm tỷ trọng từ 55,7% - 57,8% tổng sản lượng cao su toàn cầu. Cơ cấu này duy trì khá ổn định trong thời gian qua.

### Sản lượng sản xuất cao su thiên nhiên:

Sản lượng sản xuất cao su thiên nhiên tăng trưởng bình quân 3,1%/năm trong giai đoạn 2008 – 2013, để đạt 11,8 triệu tấn năm 2013.

Cao su thiên nhiên có nguồn gốc từ mủ cây cao su, có đặc tính dẻo, đàn hồi, độ bền cao, chịu nhiệt tốt... là sản phẩm chính cho nhiều ngành công nghiệp.

Giai đoạn 2008 – 2013: sản lượng sản xuất cao su tự nhiên tăng từ mức 10,1 triệu tấn năm 2008 lên mức 11,8 triệu tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 3,1%/năm. Năm 2010 ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao 7,6%, nhưng tốc độ tăng thấp dần trong những năm sau đó, năm 2011 đạt 5,8%, 2012 đạt 3,2%, 2013 đạt 3,7%.

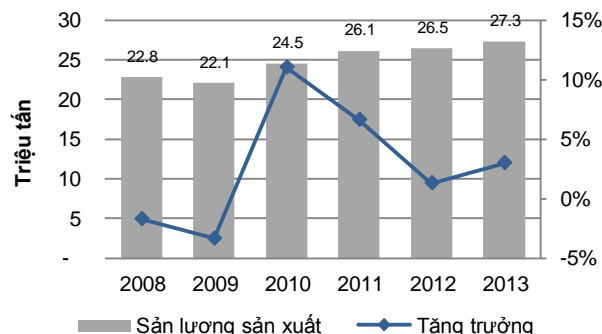
### Sản lượng sản xuất cao su tổng hợp:

Sản lượng sản xuất cao su tổng hợp tăng trưởng bình quân 2,7%/năm trong giai đoạn 2008 – 2013, để đạt 15,5 triệu tấn năm 2013.

Cao su tổng hợp được sản xuất từ các chất hóa học, nguyên liệu chính là từ dầu mỏ, cao su tổng hợp có nhiều đặc tính tương tự cao su tự nhiên, và được sử dụng thay thế cao su tự nhiên trong nhiều mục đích.

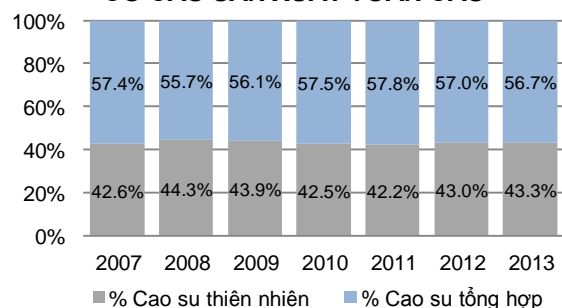
Giai đoạn 2007 – 2012: sản lượng sản xuất cao su tổng hợp tăng từ mức 12,7 triệu tấn năm 2008 lên mức 15,5 triệu tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 2,7%/năm.

### SẢN XUẤT CAO SU TOÀN CẦU



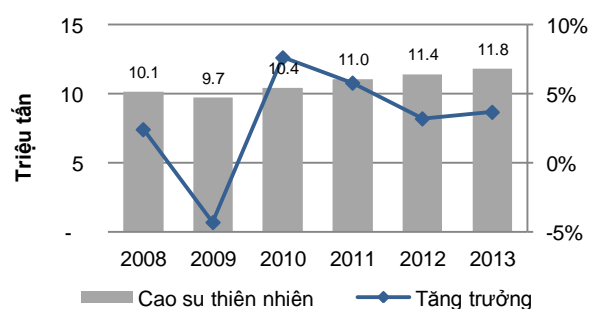
Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### CƠ CẤU SẢN XUẤT TOÀN CẦU



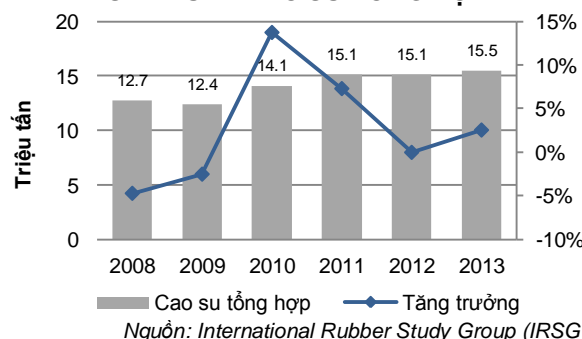
Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### SẢN XUẤT CAO SU THIÊN NHIÊN



Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### SẢN XUẤT CAO SU TỔNG HỢP



Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)



## II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

### Sản lượng tiêu thụ cao su toàn cầu:

2009 – 2013: sản lượng tiêu thụ cao su toàn cầu ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân 2%/năm, để đạt 26 triệu tấn năm 2012.

2007 – 2009 sản lượng tiêu thụ cao su toàn cầu có xu hướng giảm, đây là giai đoạn diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

2009 – 2013 sản lượng tiêu thụ cao su có xu hướng tăng 21,5 triệu tấn năm 2009 lên mức 26 triệu tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 2%/năm.

Năm 2010 ghi nhận tốc độ tăng đạt mức cao 15,4%, năm 2011 tăng 4,3%, năm 2012 giảm 0,2% và năm 2013 tăng 0,5%.

### Sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên:

Sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên tăng trưởng bình quân 2,8%/năm trong giai đoạn 2008 – 2013, để đạt 11,8 triệu tấn năm 2013.

Sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên năm 2008 đạt mức 10,2 triệu tấn, giảm xuống mức 9,3 triệu tấn năm 2009, và tăng mạnh trở lại trong các năm sau đó để đạt mức 11,8 triệu tấn năm 2012.

Tính chung cả giai đoạn 2008 – 2013 sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 2,8%/năm.

### Sản lượng tiêu thụ cao su tổng hợp:

Sản lượng tiêu thụ cao su tổng hợp tăng trưởng bình quân 2,5%/năm trong giai đoạn 2008 – 2013, để đạt 14,2 triệu tấn năm 2013.

Giống với tình hình tiêu thụ cao su thiên nhiên thì giai đoạn 2008 – 2009 sản lượng tiêu thụ cao su tổng hợp có xu hướng giảm từ 12,7 triệu tấn xuống 12,2 triệu tấn năm 2009. Tuy nhiên giai đoạn 2009 – 2012 sản lượng tiêu thụ có xu hướng tăng trở lại để đạt mức 14,2 triệu tấn năm 2013.

Tính chung, giai đoạn 2008 – 2013 sản lượng tiêu thụ cao su tổng hợp tăng từ mức 12,7 triệu tấn năm 2007 lên 14,2 triệu tấn năm 2013. Đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 2,5%/năm.

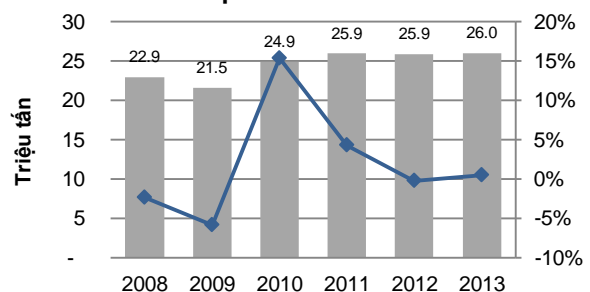
### Cơ cấu tiêu thụ cao su toàn cầu:

Trong cơ cấu tiêu thụ cao su toàn cầu thì cao su tổng hợp vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn, mặc dù vậy cao su thiên nhiên vẫn có vị thế quan trọng trong ngành cao su thế giới.

Về cơ bản, tình hình tiêu thụ sẽ là tham chiếu quan trọng để phát triển hoạt động sản xuất, với cơ cấu sản xuất cao su toàn cầu như được phân tích nêu trên thì đó là sự phản ánh tình hình tiêu thụ cao su toàn cầu. Chính vì vậy trong cơ cấu tiêu thụ cao su toàn cầu cũng có sự tương đồng với cơ cấu sản xuất, cụ thể:

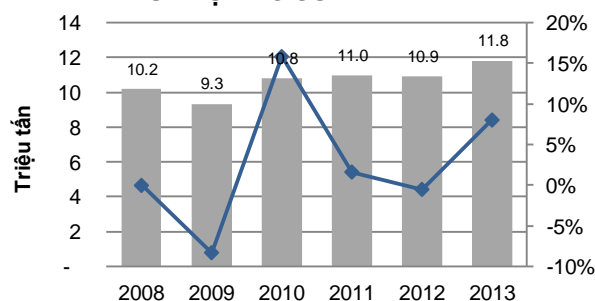
Giai đoạn 2005 – 2013 sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên thường chiếm tỷ trọng từ 55,5% - 57,8%, trong khi đó sản lượng tiêu thụ cao su tổng hợp thường chiếm tỷ trọng từ 42,2% - 44,5% tổng sản lượng sản xuất cao su toàn cầu.

### TIÊU THỤ CAO SU TOÀN CẦU



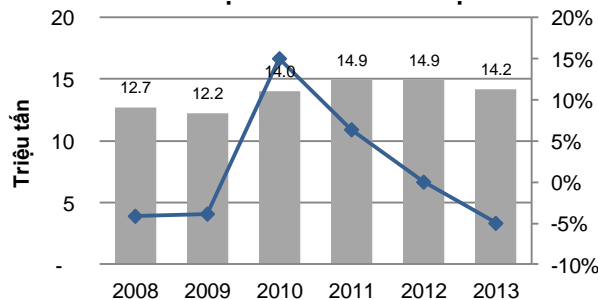
Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### TIÊU THỤ CAO SU THIÊN NHIÊN



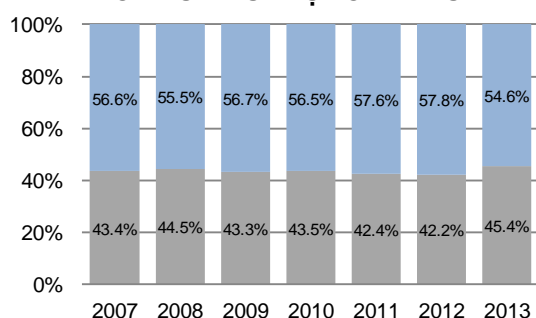
Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### TIÊU THỤ CAO SU TỔNG HỢP



Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### CƠ CẤU TIÊU THỤ TOÀN CẦU



Nguồn: International Rubber Study Group (IRSG)

### III. TRIỂN VỌNG NGÀNH CAO SU THẾ GIỚI

#### Dự báo tiêu thụ cao su toàn cầu:

Dự báo sản lượng tiêu thụ cao su toàn cầu sẽ tăng trưởng bình quân 4,9%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt 30 triệu tấn năm 2015.

Giai đoạn 2009 – 2013 tiêu thụ cao su toàn cầu tăng trưởng bình quân 2,8%/năm, tăng trưởng tiêu thụ những năm gần đây đang chậm lại. Tuy nhiên sản lượng tiêu thụ cao su toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng tốt hơn trong giai đoạn 2014 – 2016 cùng với sự hồi phục của nền kinh tế thế giới nói chung, cụ thể:

Dự báo tăng trưởng tiêu thụ cao su năm 2014 sẽ ở mức 3,8%, cao hơn mức 0,5% của năm 2012, và các năm sau đó tốc độ tăng trưởng có thể đạt lần lượt 5,6% năm 2014 và 5,3% năm 2016, để đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 4,9%/năm trong cả giai đoạn 2014 – 2016.

#### Cơ cấu tiêu thụ cao su toàn cầu:

Cơ cấu tiêu thụ cao su toàn cầu sẽ không có nhiều biến động, và Châu Á vẫn là khu vực tiêu thụ cao su lớn nhất.

Theo số liệu thống kê năm 2012 thì Châu Á và Châu Đại Dương là các khu vực tiêu thụ 60,8% tổng sản lượng tiêu thụ cao su thế giới, trong số này thì phần lớn thuộc về khu vực Châu Á. Kế đến là các khu vực khác như: Châu Âu tiêu thụ 19,9%, Châu Mỹ tiêu thụ 18,5%, và Châu Phi chỉ chiếm 0,8%.

Trong giai đoạn 2013 – 2016, cơ cấu tiêu thụ theo khu vực nêu trên được dự báo sẽ không có nhiều biến động, Châu Á với vị trí là công xưởng lớn của thế giới vẫn là khu vực tiêu thụ cao su nhiều nhất.

Hiện tại Việt Nam cùng với Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia là các nước xuất khẩu cao su hàng đầu khu vực và thế giới.

#### Diễn biến giá cao su:

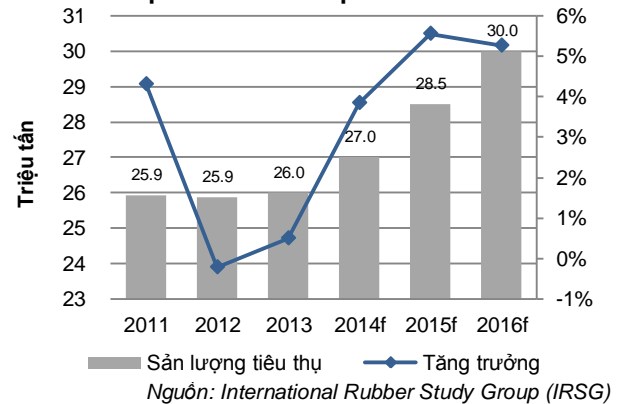
Diễn biến giá cao su liên tục sụt giảm thời gian qua và vẫn ở mức thấp thời gian gần đây, tuy nhiên giá cao su được dự báo sẽ tăng trở lại từ cuối năm 2013 khi kinh tế toàn cầu được kỳ vọng hồi phục tốt hơn.

Kể từ năm 2010 tới nay, giá cao su sau khi đạt đỉnh cao trong quý 2/2011 đã hình thành xu hướng giảm cho cuối năm 2013 và hiện nay giá mặt hàng này vẫn có hiện tượng giảm chậm.

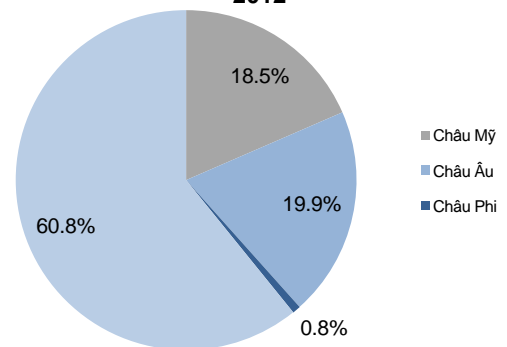
Thực tế này là hệ quả của việc nguồn cung cao su toàn cầu duy trì tốc độ tăng khá trong khi nhu cầu tiêu thụ 2 năm gần đây có xu hướng sụt giảm do sự suy giảm kinh tế toàn cầu, và theo quy luật cung cầu thì giá cao su liên tục sụt giảm trong thời gian này.

Tuy nhiên, với kỳ vọng các nền kinh tế lớn trên thế giới sẽ dần hồi phục trở lại trong giai đoạn 2014 – 2016 thì dự báo giá cao su thế giới sẽ dần lấy lại cân bằng và tăng giá trở lại khi nhu cầu sản xuất của ngành công nghiệp thế giới gia tăng trở lại.

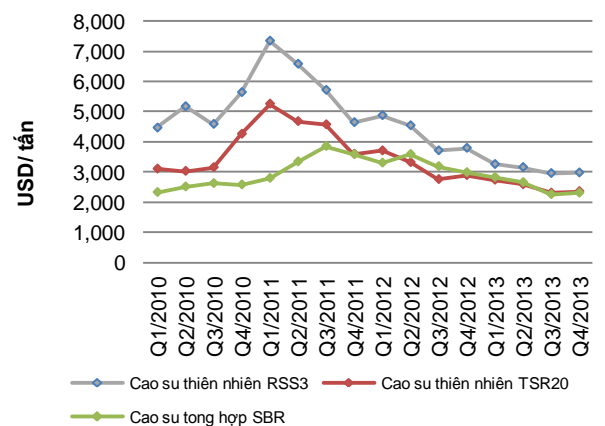
#### DỰ BÁO TIÊU THỤ TOÀN CẦU



#### CƠ CẤU TIÊU THỤ THEO KHU VỰC 2012



#### GIÁ MỘT SỐ LOẠI CAO SU



## B. TỔNG QUAN NGÀNH CAO SU VIỆT NAM

### I. PHÂN TÍCH SWOT NGÀNH CAO SU VIỆT NAM

#### Điểm mạnh:

- Việt Nam có điều kiện thiên nhiên thuận lợi về khí hậu, đất đai, phù hợp cho phát triển ngành cao su tự nhiên và từ lâu trong nước đã hình thành các vùng trồng cao su tập trung quy mô lớn như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ...
- Ngành cao su tự nhiên đã được Chính Phủ xác định là một trong những ngành tập trung phát triển mạnh và nhận được nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ, với quy hoạch phát triển theo các vùng, miền có thế mạnh như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc, Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Nhu cầu tiêu thụ cao su trên thế giới và trong nước ngày càng tăng cao cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nhiều ngành công nghiệp, sản xuất tiêu dùng... Sử dụng cao su là nguyên liệu đầu vào.
- Chi phí sản xuất trong ngành cao su tại Việt Nam thấp cũng là yếu tố hỗ trợ sự phát triển ngành.

#### Điểm yếu:

- Ngành cao su trong nước đang gặp khó khăn trong việc mở rộng diện tích gieo trồng, với thực tế này thì nhiều doanh nghiệp trồng cao su Việt Nam thời gian qua đã phải mở rộng diện tích sang các nước lân cận là Lào, Campuchia...
- Cao su tự nhiên xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu ở dạng thô mà chưa sản xuất được cao su tổng hợp, và phương thức xuất khẩu chủ yếu là qua đường tiểu ngạch. Thực tế này khiến sản phẩm cao su tự nhiên của Việt Nam gặp rủi ro cao với sản phẩm thay thế và không chủ động được về giá xuất khẩu, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong nước
- Thị trường xuất khẩu của Việt Nam lại tập trung quá nhiều vào Trung Quốc, do đó phụ thuộc khá nhiều vào những biến động giá tại thị trường này. Trong nhiều trường hợp phần thiệt luôn thuộc về các doanh nghiệp Việt Nam.
- Tỷ trọng các rừng cao su già cỗi của ngành cao su Việt Nam cũng đang ở mức cao, khiến chất lượng và năng suất khai thác sụt giảm. Thực tế này đặt ra vấn đề phải tái canh tác, gieo trồng lại các rừng cao su trong thời gian tới.

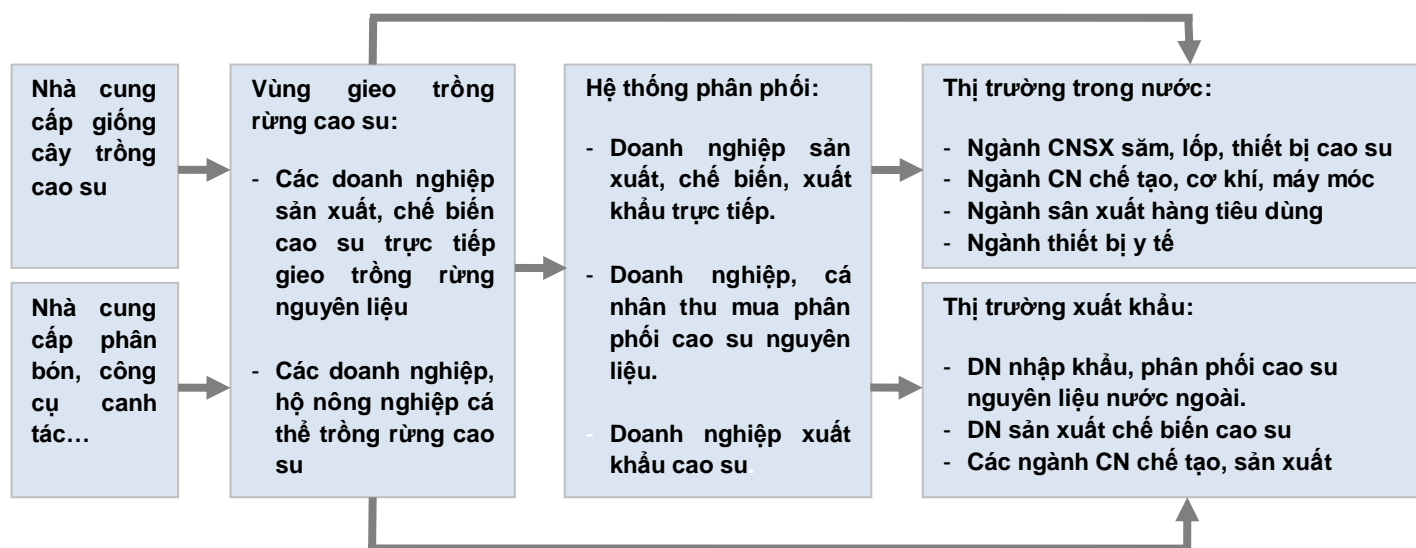
#### Cơ hội:

- Ngành công nghiệp – sản xuất – tiêu dùng Thế giới (sản xuất máy bay, oto, xe máy, sản xuất thiết bị, máy móc cho ngành chế tạo, y tế, hàng tiêu dùng...) ngày càng phát triển và nhu cầu đối với nguyên liệu đầu vào là cao su cũng ngày càng cao.
- Việc mở rộng hợp tác phát triển trồng rừng cao su ra nước ngoài (Lào, Campuchia, Myanmar...) cũng tạo ra cơ hội mở rộng diện tích trồng và khai thác đối với các doanh nghiệp Việt Nam.
- Việt Nam ở gần các công trường sản xuất lớn như Trung Quốc, thuận lợi trong hoạt động xuất khẩu sang thị trường này.

#### Thách thức:

- Rủi ro của sản phẩm thay thế là cao su tổng hợp, bởi sản phẩm cao su của Việt Nam chủ yếu là cao su tự nhiên dưới dạng thô.
- Sự cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu cao su ngày càng gay gắt về cả chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm cao su xuất khẩu, một điểm mà ngành cao su Việt Nam vẫn còn hạn chế.
- Rủi ro bất khả kháng từ thảm họa thiên nhiên tại các vùng gieo trồng cao su
- Các rào cản thuế quan đối với cao su và các sản phẩm liên quan cũng là các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.

## II. CHUỖ GIÁ TRỊ TRONG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM



### Cao su là nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành sản xuất và tiêu dùng:

- Cho nhiều ngành công nghiệp chế tạo: công nghiệp sản xuất ô tô, máy bay, xe máy (săm, lốp, doăng, đai ăn toàn, thảm xe...).
- Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến (bình đựng, găng tay cao su, phụ tùng trong các dây chuyền sản xuất...)
- Cho ngành hàng tiêu dùng: cao su là nguyên liệu để sản xuất giày dép, phụ liệu thời trang, các dụng cụ và thiết bị thể thao, đệm...
- Cho ngành y tế: găng tay cao su, thiết bị y tế, là nguyên liệu sản xuất nhiều loại đồ dùng y tế, thiết bị vệ sinh trong ngành Dược – Y tế.
- ...

### Trong cơ cấu chủng loại cao su toàn cầu có hai loại là Cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp:

- Cao su thiên nhiên có nguồn gốc từ mủ cây cao su.
- Cao su tổng hợp có nguồn gốc từ các phản ứng hóa học mà thành phần chính là được chiết suất từ dầu khí:
- Cao su tổng hợp được tạo ra từ phản ứng trùng ngưng các cấu trúc đơn bao gồm isopren (2-methyl-1, 3-butadien), 1,3-butadien, cloropren (2-cloro-1,3-butadien) và isobutylene (methylpropen) với một lượng nhỏ phần trăm isopren cho liên kết chuỗi. Thêm vào đó, các cấu trúc đơn này có thể trộn với các tỷ lệ mong muốn để tạo phản ứng đồng trùng hợp mà kết quả là các cấu trúc cao su tổng hợp có các đặc tính vật lý, cơ học và hóa học khác nhau.

Hiện tại sản phẩm chính của ngành cao su Việt Nam chủ yếu là cao su thiên nhiên, và phần lớn sản lượng khai thác là phục vụ nhu cầu xuất khẩu, lượng cao su tự nhiên tiêu thụ nội địa còn thấp, chỉ chiếm khoảng 10-12% với sản lượng tiêu thụ. Sản lượng cao su tiêu thụ nội địa chủ yếu cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến săm, lốp cho các xe hạng nặng, xe mô tô và xe đạp và các sản phẩm dùng mủ cao su (găng tay, nệm).

Ngoài ra, để đáp ứng đủ nhu cầu của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong nước thì hàng năm Việt Nam vẫn nhập khẩu các sản phẩm từ cao su khác, phần lớn các sản phẩm này là các thành phẩm có nguồn gốc từ cao su, cao su tổng hợp mà ngành sản xuất cao su trong nước chưa sản xuất được. Hàng năm ngành sản xuất cao su Việt Nam cũng xuất khẩu một số sản phẩm từ cao su khác, tuy nhiên đây hầu hết là các sản phẩm đơn giản, không đòi hỏi công nghệ sản xuất cao.



### III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

#### Diện tích gieo trồng cao su trong nước:

2008 – 2013 diện tích gieo trồng cao su cả nước ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm để đạt 983,3 nghìn ha năm 2013.

Giai đoạn 2008 – 2013: tổng diện tích gieo trồng cây cao su trong nước có xu hướng tăng từ mức 631,5 nghìn ha năm 2008 lên mức 983,3 nghìn ha năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm.

Mở rộng diện tích gieo trồng là yếu tố quan trọng trong việc phát triển ngành công nghiệp nuôi trồng và khai thác cao su thiên nhiên. Hiện nay, trong tổng diện tích gieo trồng cao su thì các vùng trồng rừng cao su tập trung lớn nhất tại Việt Nam được phân bổ như sau:

- **Đông Nam Bộ:** chiếm 45% diện tích
- **Tây Nguyên:** chiếm 30% diện tích.
- **Bắc Trung Bộ:** chiếm 11% diện tích.
- **Tây Bắc:** chiếm khoản 6% diện tích.
- **Đuyên Hải Nam Trung Bộ:** chiếm 8% diện tích

Trong đó diện tích cây cao su cho sản phẩm chiếm tỷ trọng từ 55,6% - 67,9% tổng diện tích gieo trồng.

Ngoài diện tích gieo trồng trong nước, thì trong những năm qua nhiều doanh nghiệp trong ngành cao su Việt Nam cũng đã phát triển các rừng cao su tự nhiên trên đất các quốc gia láng giềng như **Lào, Campuchia** và tổng diện tích gieo trồng tại hai nước bằng khoảng hơn 10% diện tích tại Việt Nam.

#### Diện tích cho sản phẩm cao su hàng năm:

2008 – 2013 diện tích cây cao su cho sản phẩm tăng trưởng với tốc độ bình quân 6,1%/năm để đạt 538,7 nghìn ha năm 2013.

Giai đoạn 2008 – 2013: diện tích rừng cao su cho sản phẩm có xu hướng tăng từ mức 399,1 nghìn ha năm 2008 lên mức 538,7 nghìn ha năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6,1%/năm, thấp hơn tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng (10,4%/năm).

Với thực tế đó thì tỷ trọng diện tích cho sản phẩm trên tổng diện tích gieo trồng trong giai đoạn 2008 – 2013 có xu hướng giảm từ mức 67,9% năm 2008 xuống mức 55,6% năm 2013.

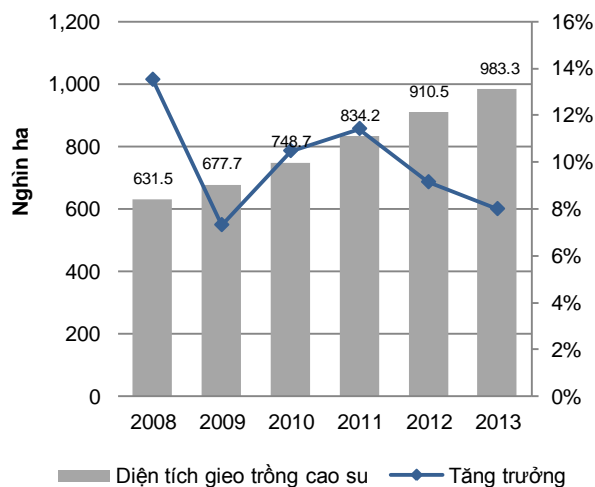
Điều này cũng cho thấy tiềm năng tăng trưởng sản lượng khai thác cao su của ngành cao su Việt Nam trong những năm tới là khá tốt khi các diện tích gieo trồng chuyển sang giai đoạn khai thác và cho sản phẩm.

#### Sản lượng khai thác cao su hàng năm:

2008 – 2013 sản lượng khai thác cao su đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7,1%/năm để đạt mức 915,4 nghìn tấn năm 2013.

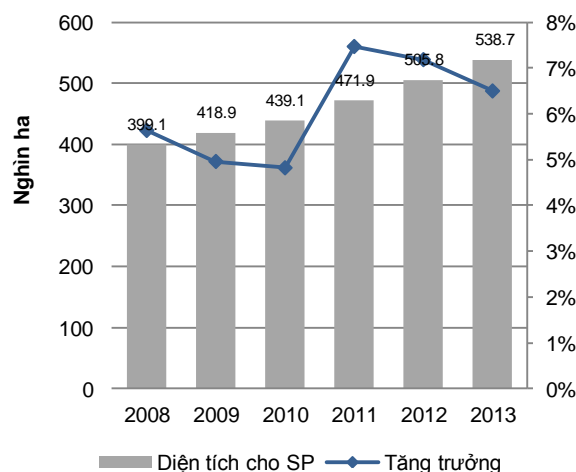
Giai đoạn 2007 – 2012: sản lượng sản xuất cao su có xu hướng tăng từ mức 660 nghìn tấn năm 2008 lên mức 915,4 nghìn tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7,1%/năm.

#### DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CAO SU



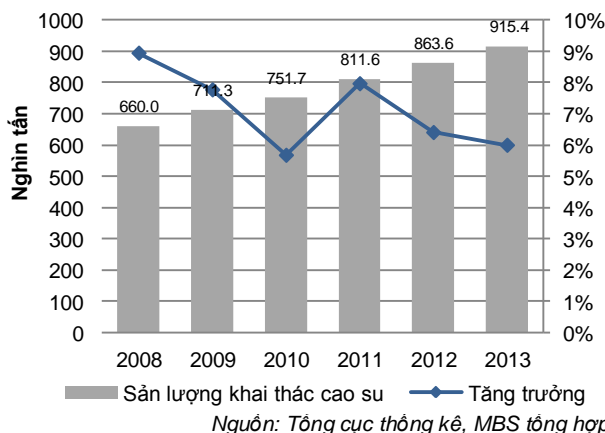
Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

#### DIỆN TÍCH CHO SẢN PHẨM CAO SU



Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

#### SẢN LƯỢNG CAO SU HÀNG NĂM



Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

## IV. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

Trong tổng sản lượng khai thác và nhập khẩu cao su thì phần lớn được sử dụng cho mục đích xuất khẩu.

### Tổng sản lượng cao su khai thác trong nước được sử dụng cho các nhu cầu tiêu thụ chính như sau:

- Phần lớn nhằm mục đích xuất khẩu
- Phần nhỏ còn lại được cung cấp cho các nhu cầu tiêu thụ trong nước.

Giai đoạn 2008 – 2012: sản lượng khai thác tăng từ 711 nghìn tấn năm 2009 lên 915 nghìn tấn năm 2013, trong khi đó sản lượng xuất khẩu tăng từ 731 nghìn tấn năm 2009 lên 1.075 nghìn tấn năm 2013. Như vậy, sản lượng xuất khẩu còn cao hơn cả sản lượng sản xuất cao su trong nước.

Có tới 90% sản lượng khai thác trong nước và gần 30% sản lượng nhập khẩu là để phục vụ xuất khẩu.

Thực tế ghi nhận khoảng 10% - 12% tổng sản lượng cao su khai thác trong nước là được tiêu thụ trong nước, như vậy để bù đắp cho sản lượng xuất khẩu thì một phần sản lượng cao su nhập khẩu sẽ được tái xuất sau khi đã trải qua công đoạn chế biến ban đầu.

Đây là thực tế không bất ngờ khi nhiều doanh nghiệp trong nước đã phát triển các rừng cao su ở Campuchia, Lào, Myanmar...

### Sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu:

Từ 2009 – 2013: tổng sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu tăng từ mức 1.024,6 nghìn tấn năm 2009 lên mức 1.173,7 nghìn tấn năm 2011 và tiếp tục tăng lên mức 1.228,4 nghìn tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 4,7%/năm. Một phần sản lượng cao su nhập khẩu được sử dụng để tái xuất và đóng góp vào tổng lượng xuất khẩu của ngành cao su Việt Nam.

2009 – 2013: tổng sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu tăng trưởng bình quân 4,7%/năm, để đạt mức 1.228,4 nghìn tấn năm 2013.

### Cơ cấu tiêu thụ cao su khai thác và nhập khẩu:

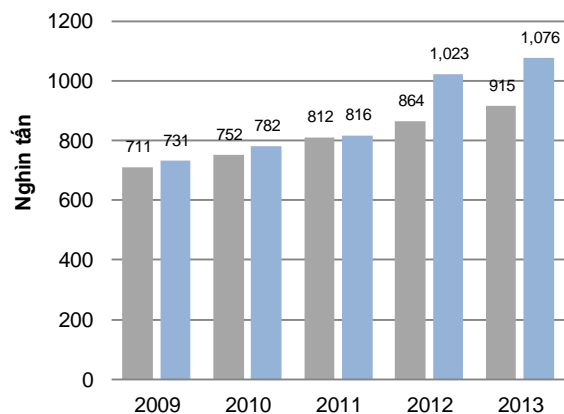
Giai đoạn 2009 – 2013: trong tổng sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu thì chiếm tỷ trọng lớn là để xuất khẩu, còn lại là phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước, cụ thể:

- Mục đích xuất khẩu chiếm tỷ trọng từ 69,6% - 87,8% tổng sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu.
- Mục đích tiêu thụ trong nước chiếm tỷ trọng từ 12,2% - 30,4% tổng sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu.

Tỷ trọng cao su tiêu thụ trong nước chỉ chiếm 10% - 12% sản lượng khai thác cao su, và 69,6% - 87,8% tổng sản lượng cao su khai thác và nhập khẩu.

Điều này không bất ngờ, bởi ngành công nghiệp chế biến và sản xuất các sản phẩm từ cao su của Việt Nam chưa thực sự phát triển.

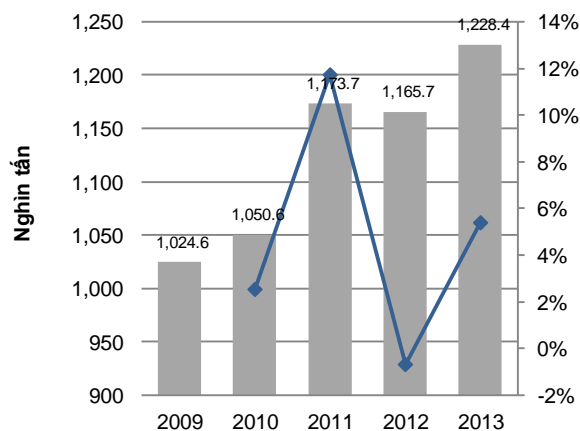
### KHAI THÁC VÀ XUẤT KHẨU



■ Sản lượng khai thác cao su ■ Sản lượng xuất khẩu

Nguồn: Tổng cục thống kê, Tổng cục hải quan

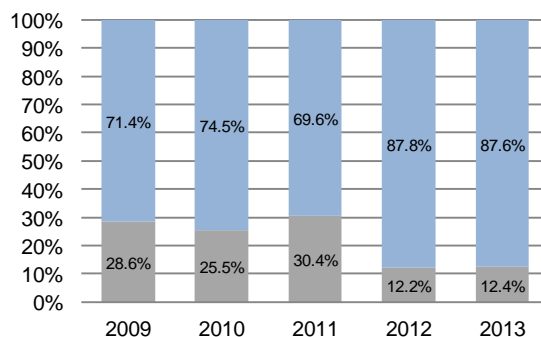
### TỔNG SẢN LƯỢNG CAO SU KHAI THÁC VÀ NHẬP KHẨU



■ SL sản xuất và nhập khẩu — Tăng trưởng

Nguồn: Tổng cục thống kê, Tổng cục hải quan

### CƠ CẤU TIÊU THỤ CAO SU KHAI THÁC VÀ NHẬP KHẨU



■ % Tiêu thụ trong nước ■ % Xuất khẩu

Nguồn: Tổng cục thống kê, Tổng cục hải quan

## V. TÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

### Sản lượng nhập khẩu cao su:

2009 – 2013: Sản lượng nhập khẩu cao su tăng trưởng thấp 0,9%/năm, và đạt mức 313 nghìn tấn năm 2013.

Giai đoạn 2009 – 2013: sản lượng nhập khẩu cao su của Việt Nam diễn biến tăng giảm thất thường, năm 2010 nhập khẩu đạt 298,9 nghìn tấn, giảm 4,6% so với mức 313,3 nghìn tấn năm 2009. Nhập khẩu năm 2011 bất ngờ tăng mạnh 21,2% so với năm 2010 để đạt 362,1 nghìn tấn, tuy nhiên lại giảm mạnh 16,6% trong năm 2012 và tăng 3,6% năm 2013 đạt 313 nghìn tấn.

Tính chung trong giai đoạn 2009 – 2013 thì sản lượng nhập khẩu cao su chỉ tăng 0,9%/năm.

### Giá trị nhập khẩu cao su:

2009 – 2013: Giá trị nhập khẩu cao su tăng trưởng bình quân 18,2%/năm, để đạt mức 673,5 triệu USD năm 2013.

Mặc dù sản lượng nhập tăng trưởng thấp, tuy nhiên tính theo giá trị thì xu hướng chung vẫn tăng khá, cụ thể:

Giai đoạn 2009 – 2012: giá trị nhập khẩu cao su tăng từ 409,5 triệu USD năm 2009 lên mức 673,5 triệu USD năm 2012, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 18,2%/năm. Hai năm gần đây giá trị nhập khẩu đang giảm dần.

### Thị trường nhập khẩu chính:

Thị trường chính mà Việt Nam nhập khẩu cao su là Hàn Quốc, Campuchia, Nhật Bản, Đài Loan, Thái lan.

Trong năm 2012 thì Hàn Quốc, Campuchia, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan là các thị trường lớn nhất mà Việt Nam nhập khẩu cao su, cụ thể:

Tổng mức nhập khẩu từ Hàn Quốc đạt 180,3 triệu USD (22,4%), Campuchia đạt 171,2 triệu USD (21,3%), Nhật Bản đạt 88,7 triệu USD (11%), Đài Loan đạt 84 triệu USD (10,5%), Thái Lan đạt 62,5 triệu USD (7,8%). Tổng giá trị nhập khẩu từ các thị trường này đạt 586,7 triệu USD, chiếm tới 73% tổng giá trị cao su nhập khẩu vào thị trường Việt Nam.

### Nhập khẩu các sản phẩm từ cao su khác:

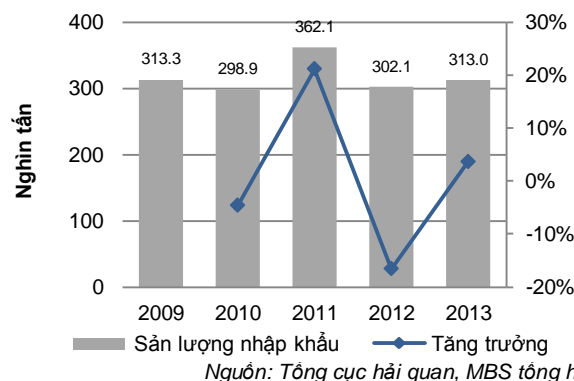
2009 – 2013: giá trị nhập khẩu các sản phẩm từ cao su khác tăng trưởng bình quân 19,2%/năm, để đạt mức 513,8 triệu USD năm 2013.

Ngoài việc nhập khẩu trực tiếp cao su thì Việt Nam còn nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ cao su khác nhằm phục vụ cho các ngành công nghiệp, sản xuất, hàng tiêu dùng trong nước.

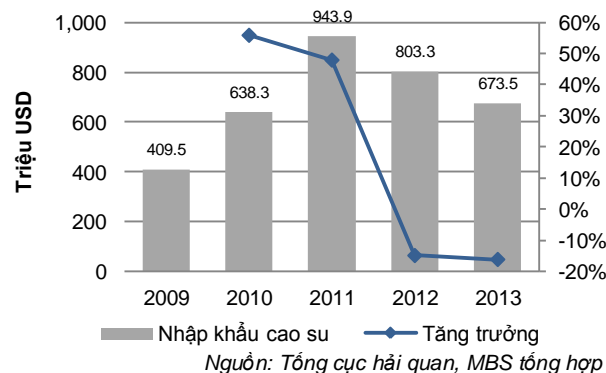
Các sản phẩm này bao gồm như: sảm, lốp cao cấp, các sản phẩm phụ kiện thiết bị máy móc, daông, găng tay, nệm...

2009 – 2013: giá trị nhập khẩu sản phẩm từ cao su tăng từ 260,5 triệu USD năm 2009 lên mức 513,8 triệu USD năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 19,2%/năm.

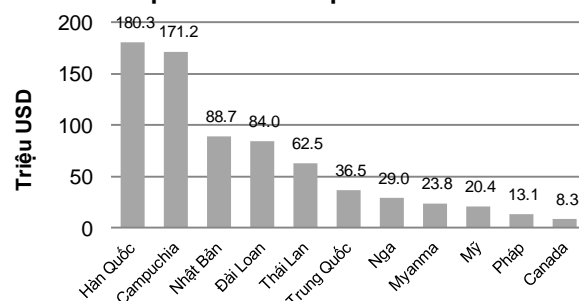
### SẢN LƯỢNG NHẬP KHẨU CAO SU



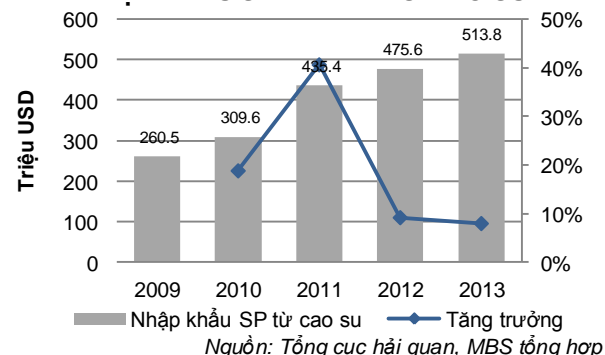
### GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU CAO SU



### THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU 2012



### NHẬP KHẨU SẢN PHẨM TỪ CAO SU



**Sản lượng xuất khẩu cao su:**

2009 – 2013: sản lượng xuất khẩu cao su tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, để đạt mức 1.076,3 nghìn tấn năm 2013.

2009 – 2013: sản lượng xuất khẩu cao su có xu hướng tăng từ 731,4 nghìn tấn năm 2009 lên mức 1.076,3 nghìn tấn năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10,6%/năm.

Năm 2012 sản lượng xuất khẩu cao su ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây khi đạt 25,3%. Đây là một đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2012 gặp rất nhiều khó khăn. Việc ngành cao su nổi riêng và hoạt động xuất khẩu của toàn nền kinh tế nói chung đã đóng góp lớn vào kết quả xuất siêu của hoạt động xuất nhập khẩu 2012.

**Giá trị xuất khẩu cao su:**

2009 – 2013: giá trị xuất khẩu cao su tăng trưởng bình quân 26,4%/năm, để đạt mức 2.492,1 triệu USD năm 2013.

2009 – 2013: giá trị xuất khẩu cao su có xu hướng tăng từ mức 1.226,9 triệu USD năm 2009 lên mức 2.492,1 triệu USD năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 26,4%/năm.

Có được kết quả này là nhờ tốc độ tăng trưởng cao 94,7% trong năm 2010, các năm sau đó tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đã chậm lại, năm 2011 tăng trưởng 35,4% và năm 2012 ghi nhận mức giảm 11,6%, năm 2013 giảm 12,9%.

**Thị trường xuất khẩu chính:**

Các thị trường xuất khẩu chính của ngành cao su Việt Nam là Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc...

Trong năm 2012 các thị trường xuất khẩu chính của ngành cao su Việt Nam là Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc, cụ thể:

Giá trị xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc đạt 1.325,5 triệu USD (46,4%), Malaysia đạt 564,1 triệu USD (19,7%), Ấn Độ đạt 211,6 triệu USD (7,4%), Đài loan đạt 123,5 triệu USD (4,3%), Hàn Quốc đạt 112,4 triệu USD (3,9%).

Tổng giá trị xuất khẩu sang các thị trường này đạt 2.338,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 81,8% tổng giá trị xuất khẩu của ngành cao su Việt Nam.

**Xuất khẩu sản phẩm từ cao su khác:**

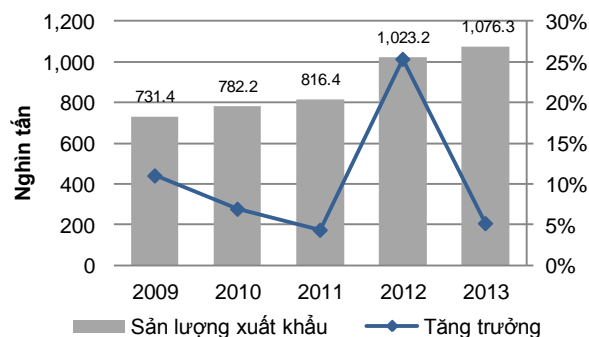
2009 – 2013: Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ cao su khác ghi nhận mức tăng trưởng bình quân 23,6%/năm, để đạt mức 381,4 triệu USD năm 2013.

Ngoài hoạt động xuất khẩu trực tiếp cao su thiên nhiên thì Việt Nam còn xuất khẩu một số các sản phẩm khác có nguồn gốc từ cao su.

2009 – 2013: giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ cao su có xu hướng tăng từ mức 175,3 triệu USD năm 2009 lên mức 381,4 triệu USD năm 2013, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 23,6%/năm.

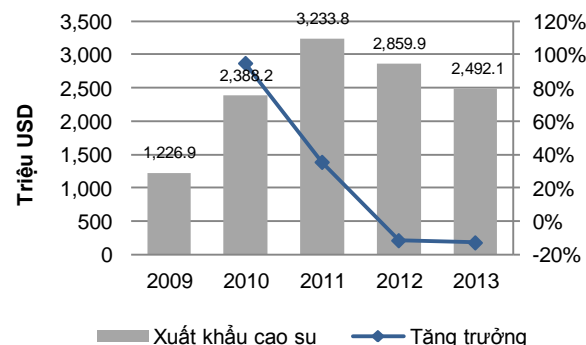
Năm 2010 ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao 65,9%, những năm sau đó tăng trưởng đã chậm lại, 2011 tăng 16,1%, năm 2012 tăng 4,5%, năm 2013 tăng 8%.

**SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU CAO SU**



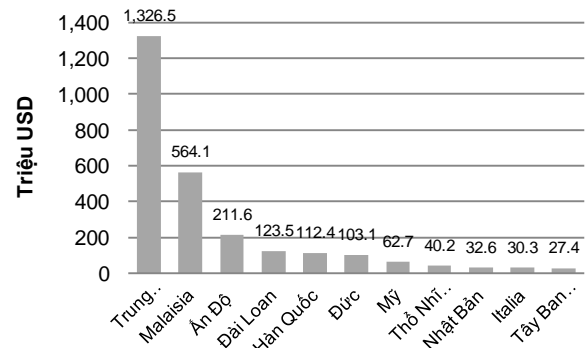
Nguồn: Tổng cục hải quan, MBS tổng hợp

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CAO SU**



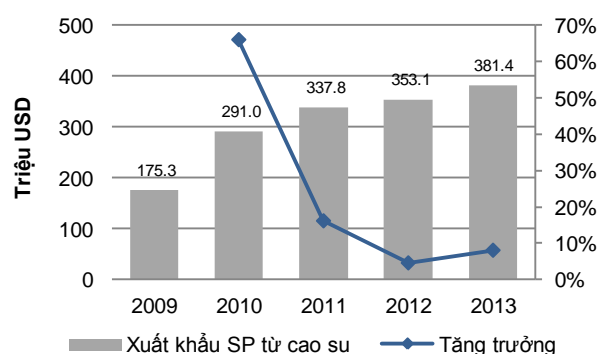
Nguồn: Tổng cục hải quan, MBS tổng hợp

**THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU 2012**



Nguồn: Tổng cục hải quan

**XUẤT KHẨU SẢN PHẨM TỪ CAO SU**



Nguồn: Tổng cục hải quan, MBS tổng hợp



## VI. TRIỂN VỌNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM

### Dự báo diện tích gieo trồng cao su:

Dự báo diện tích gieo trồng cao su sẽ tăng trưởng bình quân 9%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt 1.273 nghìn ha năm 2016.

Với tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm trong giai đoạn 2007 – 2013, cùng với định hướng tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng cao su thì diện tích gieo trồng cao su cả nước được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ bình quân 9%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt diện tích 1.273 nghìn ha năm 2016.

Bên cạnh việc mở rộng diện tích gieo trồng trong nước thì nhiều doanh nghiệp cao su Việt Nam cũng tìm hướng mở rộng trồng rừng cao su sang các nước lân cận như Lào, Campuchia, Myanmar. Trong những năm qua hoạt động này diễn ra khá phổ biến và nhiều rừng cao su của Doanh nghiệp Việt Nam cũng sắp đi vào giai đoạn khai thác.

### Dự báo sản lượng khai thác cao su:

Dự báo sản lượng khai thác cao su sẽ tăng trưởng bình quân 8,3%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt 1.163 nghìn tấn năm 2016.

Với tốc độ tăng trưởng bình quân 7,1%/năm trong giai đoạn 2007 – 2013, cùng thực tế nhiều rừng cao su tại Việt Nam sắp đi vào khai thác những năm tới thì sản lượng khai thác cao su cả nước được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ bình quân 8,3%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt mức 1.163,6 nghìn tấn.

Dự báo tốc độ tăng sản lượng năm 2014 có thể đạt 7%, tăng nhẹ so với mức 6,4% của năm 2012, tốc độ tăng sản lượng khai thác sẽ tiếp tục tăng trong các năm tiếp theo 2015 – 2016, để duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 8,3%/năm cho cả giai đoạn 2014 – 2016.

### Dự báo xuất khẩu cao su:

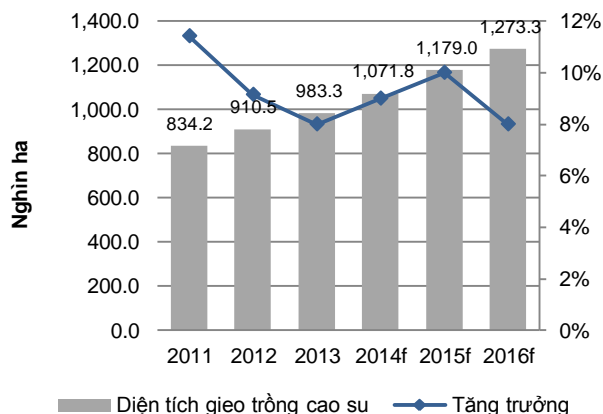
Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao su đang chậm lại và ghi nhận giá trị xuất khẩu năm 2013 sụt giảm 12,9% so với năm 2012.

Tuy nhiên giá trị xuất khẩu của ngành cao su Việt Nam được dự báo sẽ được cải thiện kể từ năm 2014 do hai yếu tố chính là kinh tế thế giới hồi phục khiến nhu cầu tiêu thụ cao su tăng (giá cao su sẽ tăng) và sản lượng khai thác cao su của Việt Nam sẽ tăng khá trong giai đoạn 2014 – 2016.

Dự báo giá trị xuất khẩu cao su sẽ tăng trưởng bình quân 16,7%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016, để đạt giá trị 3.947,4 triệu USD năm 2016.

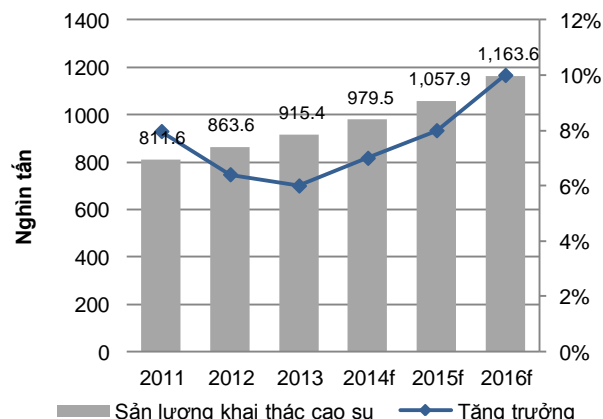
Giá trị xuất khẩu cao su trong các năm 2014 – 2016 được dự báo sẽ tăng trưởng trở lại ở mức 10% năm 2014, 20% năm 2015 và 20% năm 2016 để đạt mức 3.947,4 triệu USD năm 2016, tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân 16,7%/năm trong giai đoạn 2014 – 2016.

### DỰ BÁO DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG



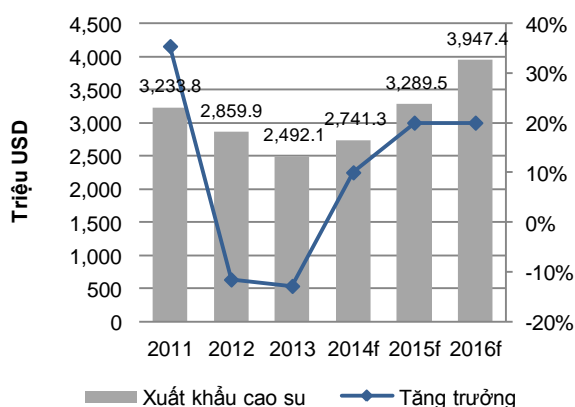
Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

### DỰ BÁO SẢN LƯỢNG KHAI THÁC



Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

### DỰ BÁO GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU



Nguồn: Tổng cục thống kê, MBS tổng hợp

## C. NHẬN ĐỊNH

### Những thuận lợi để phát triển ngành cao su:

- Việt Nam có điều kiện thiên nhiên thuận lợi về khí hậu, đất đai, phù hợp cho phát triển ngành cao su tự nhiên và từ lâu trong nước đã hình thành các vùng trồng cao su tập trung quy mô lớn như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Duyên Hải Nam Trung Bộ...
- Ngành cao su đã được Chính Phủ xác định là một trong những ngành tập trung phát triển mạnh và nhận được nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ, với quy hoạch phát triển theo các vùng, miền có thể mạnh như Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc, Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Chi phí sản xuất trong ngành cao su tại Việt Nam thấp cũng là yếu tố hỗ trợ sự phát triển của ngành.
- Ngành công nghiệp – sản xuất – tiêu dùng Thế giới (sản xuất máy bay, oto, xe máy, sản xuất thiết bị, máy móc cho ngành chế tạo, y tế, hàng tiêu dùng...) ngày càng phát triển và nhu cầu đối với nguyên liệu đầu vào là cao su càng ngày càng cao.

### Những hạn chế cản trở sự phát triển của ngành:

- Ngành cao su trong nước đang gặp khó khăn trong việc mở rộng diện tích gieo trồng,
- Cao su tự nhiên xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu ở dạng thô mà chưa sản xuất được cao su tổng hợp, và phương thức xuất khẩu chủ yếu là qua đường tiểu ngạch. Thực tế này khiến sản phẩm cao su tự nhiên của Việt Nam gặp rủi ro cao với sản phẩm thay thế và không chủ động được về giá xuất khẩu.
- Sự cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu cao su ngày càng gay gắt về cả chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm cao su xuất khẩu, một điểm mà ngành cao su Việt Nam vẫn còn hạn chế.
- Tỷ trọng các rừng cao su già cỗi của ngành cao su Việt Nam cũng đang ở mức cao, khiến chất lượng và năng suất khai thác sụt giảm.

Rủi ro bất khả kháng từ thảm họa thiên nhiên tại các vùng gieo trồng cao su

### Một số khó khăn hiện tại của ngành cao su:

- Giá cao su thế giới vẫn ở mức thấp sau thời gian liên tiếp sụt giảm vừa qua, đây là kết quả của thực tế nguồn cung cao su toàn cầu vẫn khá ổn định trong khi nhu cầu tiêu thụ toàn cầu sụt giảm do suy giảm kinh tế toàn cầu. Thực tế này khiến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam cũng hạn chế hơn.
- Cả tăng trưởng xuất khẩu và khai thác cao su trong nước cùng giảm, nhưng nhu cầu tiêu thụ sụt giảm nhiều hơn vẫn khiến đa số doanh nghiệp cao su có hàng tồn kho cao hơn thời điểm cùng kỳ các năm trước.
- Chính phủ áp thuế xuất khẩu 3% đối với cao su ly tâm và cao su hỗn hợp cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất hai mặt hàng này, hiện tại Hiệp Hội Cao Su Việt Nam đang kiến nghị miễn thuế xuất khẩu đối với 2 mặt hàng này.

Những khó khăn hiện tại của ngành cao su được dự báo sẽ vẫn là những hạn chế trong ngắn hạn đối với ngành này, tuy nhiên triển vọng về trung và dài hạn thì các khó khăn hiện tại được kỳ vọng sẽ được giải quyết khi kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế trong nước nói riêng hồi phục tốt hơn.

So sánh với tổng thể các ngành kinh tế khác thì nhìn chung ngành doanh nghiệp trong ngành cao su vẫn có được các kết quả tích cực hơn so với mặt bằng chung và trong năm 2013 đây vẫn được kỳ vọng là ngành duy trì được sự ổn định trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn.

### Nhận định:

Ngắn hạn ngành cao su đang gặp một số khó khăn mang tính thị trường, giá cao su sụt giảm do nhu cầu tiêu thụ toàn cầu suy giảm do kinh tế suy thoái trong giai đoạn 2011 - 2013, đây là ảnh hưởng mà ngành cao su toàn cầu gặp phải và Việt Nam cũng không ngoại lệ.

Mặc dù vậy tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cao su Việt Nam vẫn cho thấy sự ổn định so với mặt bằng chung trong nền kinh tế. Triển vọng dài hạn của ngành cao su là khá tốt khi kinh tế toàn cầu phục hồi, các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu cao su tăng trưởng mạnh trở lại kể từ năm 2014.

## D. TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH CAO SU

### I. CÁC DOANH NGHIỆP LỚN TRONG NGÀNH

1	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
2	CT TNHH MTV TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI
3	CT TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI HOA SEN VÀNG
4	CT TNHH TIMATEX (VN)
5	TỔNG CÔNG TY 15 BỘ QUỐC PHÒNG
6	CTCP CAO SU PHƯỚC HÒA
7	CT TNHH MTV CAO SU PHÚ RIỀNG
8	CT TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ-XNK KIM HUỠNH
9	CT TNHH MTV CAO SU BÌNH LONG
10	CTCP CAO SU ĐỒNG PHÚ
11	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ PETEC
12	CTCP CAO SU ĐÀ NẴNG
13	CTCP XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
14	CTCP CAO SU TÂY NINH
15	CTCP CAO SU HÒA BÌNH
16	CTCP CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN
17	CTCP CAO SU VIỆT PHÚ THỊNH
18	CTCP CÔNG NGHIỆP & XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU
19	CTCP XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
20	CT TNHH MTV CAO SU BÀ RỊA
21	CT TNHH MTV CAO SU CHƯ PĂH
22	CT TNHH MỘT THÀNH VIÊN CAO SU ĐẮK LẮK
23	CT TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG
24	CT TNHH THƯƠNG MẠI HÒA THUẬN
25	CT TNHH SẢN XUẤT CAO SU LIÊN ANH
26	CT TNHH MTV CAO SU LỘC NINH
27	CT TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM CƯỜNG
28	CT TNHH MTV CAO SU TÂN BIÊN
29	CT TNHH MTV CAO SU THỐNG NHẤT
30	CT TNHH TRUNG CHÍNH
31	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THUẬN LỢI

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH CAO SU ĐÃ NIÊM YẾT

Chỉ số chung	DPR	PHR	TRC	HRC	BRC	TNC
Giá đóng cửa	45,800	30,800	42,000	47,000	10,500	14,300
KLCPLH hiện tại (Triệu)	42.12	78.49	29.12	17.26	12.37	19.25
KL CPLHQB (Triệu)	42.12	78.96	29.14	17.29	8.62	19.25
Giá trị vốn hóa(Tỷ VND)	1,929.32	2,417.49	1,223.25	811.27	129.94	275.27
Sở hữu nước ngoài	32.37	19.19	30.88	5.37	0.18	1.63
EPS cơ bản (VND)	9,590.71	5,240.97	9,238.13	3,220.58	1,596.31	2,010.53
EPS pha loãng (VND)	9,590.71	5,240.97	9,238.13	3,220.58	1,596.31	2,010.53
Book Value (VND)	52,668	26,761	46,795	28,513	10,927	16,236
EV (Tỷ VND)	1,601	2,638	1,068	898	160	157
EBITDA(Tỷ VND)	494.6	557.07	318.52	70.77	23.23	44.76
EBIT (Tỷ VND)	447.21	547.51	312.16	70.77	17.66	44.76
Chỉ số định giá	DPR	PHR	TRC	HRC	BRC	TNC
P/E cơ bản	4.78	5.88	4.55	14.59	6.58	7.11
P/E pha loãng	4.78	5.88	4.55	14.59	6.58	7.11
P/B	0.87	1.15	0.9	1.65	0.96	0.88
Price/Cashflow	49.35	-182.89	-1,311.88	-58.13	10.01	-184.09
Price/Sales	1.66	1.25	1.6	1.81	0.66	2.24
Vốn hóa/doanh số	1.66	1.25	1.6	1.81	0.66	2.24
EV/EBITDA	3.24	4.74	3.35	12.68	6.91	3.51
EV/EBIT	3.58	4.82	3.42	12.68	9.08	3.51
Sức khỏe tài chính	DPR	PHR	TRC	HRC	BRC	TNC
Tiền/Nợ ngắn hạn	2.89	0.71	1.8	0.82	0.66	3.21
TSLD/Nợ ngắn hạn	4.38	1.5	2.44	2.01	2.78	5.65
Vay dài hạn/Tài sản	0.02	0.07	0	0.16	0.18	0
Vốn vay/Tài sản	0.04	0.17	0.19	0.2	0.26	0
Vốn vay/Vốn CSH	0.05	0.27	0.25	0.27	0.44	0
Công nợ/Tài sản	0.19	0.34	0.24	0.25	0.4	0.12
Công nợ/Vốn CSH	0.25	0.51	0.32	0.34	0.68	0.13
Chỉ số lợi nhuận	DPR	PHR	TRC	HRC	BRC	TNC
Lãi gộp/Doanh thu	39.17%	27.81%	32.07%	5.30%	21.30%	12.76%
Lãi hoạt động/Doanh thu	37.23%	23.49%	33.48%	1.25%	7.88%	22.56%
Lãi trước thuế/Danh thu	37.95%	27.71%	40.83%	15.55%	8.69%	36.43%
Lãi ròng/Doanh thu	34.51%	21.53%	35.32%	12.41%	7.03%	31.49%
EBITDA/Doanh thu	42.49%	28.74%	41.78%	15.78%	11.87%	36.43%
EBIT/Doanh thu	38.42%	28.25%	40.95%	15.78%	9.03%	36.43%
Hiệu quả quản lý	DPR	PHR	TRC	HRC	BRC	TNC
ROE	18.43%	20.05%	20.18%	11.59%	10.01%	12.03%
ROA	14.55%	13.41%	15.99%	8.65%	6.38%	10.65%
ROCE	18.02%	24.47%	23.32%	12.40%	10.46%	13.85%
Doanh thu/Vốn hóa(lần)	0.6	0.8	0.62	0.55	1.51	0.45
Doanh số/Nhân viên(Tỷ)	0.27	0.34	0.3	0.25	1.9	0.12
Biến động giá cổ phiếu	DPR	PHR	TRC	HRC	BRC	TNC
KLGD trung bình 10 ngày	7,034	9,179	1,533	516	1,193	32,147
KLGD trung bình 3 tháng	27,939	27,432	1,324	688	852	29,397
GTGD trung bình 3 tháng	1.33	0.87	0.06	0.03	0.01	0.41
GTGD so với thị trường	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
GTGD/Vốn hóa	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
+/- giá 1 tuần qua	-1.51%	1.99%	1.21%	-3.09%	1.94%	2.14%
+/- giá 1 tháng qua	-1.51%	-5.81%	3.62%	-2.08%	-4.55%	2.14%
+/- giá 3 tháng qua	5.06%	9.92%	7.19%	-6.00%	0.00%	5.93%
+/- giá 6 tháng qua	-5.45%	11.82%	-8.38%	-5.05%	-5.41%	-1.38%
+/- giá từ đầu năm	-5.71%	18.20%	2.33%	27.93%	4.29%	1.61%
Cao nhất 52 tuần qua	-25.00%	-7.78%	-14.67%	-9.62%	-8.70%	-17.57%
Thấp nhất 52 tuần qua	22.16%	20.31%	15.74%	40.53%	9.38%	7.52%



## SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của các ngành kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề quan trọng của các ngành kinh tế như: tình hình sản xuất – tiêu thụ, xuất khẩu – nhập khẩu và triển vọng phát triển ngành.

## TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin The Investor Daily.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là:

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu thị phần môi giới từ năm 2009.
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601

Webiste: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## Người thực hiện: Do Bao Ngoc (Mr.)

Senior Analyst – Equity Research Department

Research Center – MBS Head Office

Tel: +84 4 3726 2600 Mobile: 090 227 6166

Email: [ngoc1.dobao@mbs.com.vn](mailto:ngoc1.dobao@mbs.com.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2012 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.